

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG ĐẦU TƯ VÀ ĐỊNH HƯỚNG THU HÚT NGUỒN VỐN FDI TẠI VIỆT NAM

ThS. PHẠM THỊ NGỌC ANH*

Quá trình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố. Tuy nhiên, cũng có một số yếu tố có thể coi là quan trọng đối với tất cả các nước và ở những giai đoạn khác nhau, đó là sự ổn định chính trị, các chính sách phát triển kinh tế, hệ thống luật pháp về đầu tư, trình độ phát triển kinh tế, quy mô thị trường... Từ các bằng chứng thực tế có thể nhận thấy, FDI vừa có tác động tích cực, vừa có tác động tiêu cực đối với bên nhận đầu tư trong quản lý và sử dụng dòng vốn đó.

Hiện nay, hoạt động nguồn vốn FDI đã trở nên phổ biến trên thế giới và Việt Nam. Chất lượng FDI ngoài việc phụ thuộc vào chính dòng vốn của nhà đầu tư còn phụ thuộc rất nhiều vào các nước tiếp nhận đầu tư quản lý và sử dụng dòng vốn đó như thế nào. Vấn đề đối với bất kỳ nước nhận đầu tư nào cũng phải tìm mọi cách để tối đa mặt tích cực và hạn chế tối thiểu mặt tiêu cực của nguồn vốn đầu tư để phục vụ cho mục tiêu phát triển của đất nước.

1. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thu hút FDI

Một là, sự ổn định chính trị là yếu tố đầu tiên mà các nhà đầu tư nước ngoài phải xem xét trước khi quyết định đầu tư vào một nước nào đó. Nếu chính trị ổn định sẽ khuyến khích FDI và ngược lại. Sự bất ổn về chính trị gây ra nhiều rủi ro cho các nhà đầu tư nước ngoài, như việc phát

sinh thêm nhiều chi phí do phải thay đổi mục tiêu kinh doanh khi có đổ vỡ chính trị, tỷ lệ hoàn vốn không chắc chắn, việc cung ứng hàng hóa, dịch vụ và nhân lực bị phá vỡ...

Vấn đề đặt ra với nước nhận đầu tư là phải tổ chức và quản lý thế nào để hướng họ vào sân chơi của mình. Chỉ có cơ chế, chính sách phù hợp mới thực hiện được điều này. Chẳng hạn, chính sách đầu tư khuyến khích được các doanh nghiệp có trình độ công nghệ cao chuyển giao công nghệ, hạn chế những công nghệ lạc hậu; chính sách quy hoạch và thu hút đầu tư hợp lý, tạo được sự phát triển cân bằng giữa các vùng miền, chuyển dịch cơ cấu kinh tế hiện đại; chính sách ưu đãi đầu tư; chính sách quản lý đầu tư... Như vậy, có

* Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương

nghĩa gồm cả những chính sách điều chỉnh trực tiếp đến FDI và những chính sách mang tính gián tiếp. Các doanh nghiệp (DN) nước ngoài luôn mong muốn liên kết với các DN trong nước để tăng tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm, chuyển giao công nghệ cũng như phát triển ngành công nghiệp, tuy nhiên, các DN trong nước không đáp ứng được, buộc các DN FDI phải nhập khẩu linh kiện từ nước ngoài và tác động lan tỏa đến đất nước giảm đi. Điều này có nguyên nhân từ chính sách phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ trong nước.

Các chính sách kinh tế có ảnh hưởng lớn tới FDI, nhất là các chính sách kinh tế trực tiếp liên quan đến đầu tư, như các quy định về chuyển lợi nhuận, chính sách thương mại... Các chính sách này có ảnh hưởng lớn tới khả năng nhập khẩu các thiết bị máy móc, nguyên liệu sản xuất, do đó, trở thành mối quan tâm của tất cả các ngành, đặc biệt là ngành xuất khẩu thường muốn có chi phí sản xuất thấp để tăng tính cạnh tranh. Ngoài các quy định về quyền sở hữu nước ngoài, thuế, chuyển lợi nhuận và các yêu cầu về hoạt động các chính sách khuyến khích dự án FDI cũng là các chính sách quan trọng tác động mạnh đến các quyết định của nhà đầu tư. Hệ thống pháp luật đầu tư bao gồm luật và các văn bản pháp lý khác quy định đối với hoạt động FDI.

Hai là, khả năng đối ứng của DN trong nước. Các DN trong nước có trở thành đối tác với DN FDI và kết nối chuỗi giá trị nhằm nâng cao khả năng sản xuất và trình độ công nghệ của DN trong nước hay không hoàn toàn phụ thuộc vào khả năng của những DN này. Nếu các DN trong nước có khả năng tiếp nhận công nghệ chuyển giao, có khả năng cung cấp những sản phẩm đáp ứng được nhu cầu của các DN FDI thì dự án FDI đó sẽ phát huy được

hiệu quả tích cực. Một cách đối nghịch lại, nếu DN trong nước hay những lao động trong nước không đủ khả năng tiếp nhận công nghệ mới từ bên ngoài thì dù nhà đầu tư có mang công nghệ hiện đại đến cũng không đem lại kết quả.

Ba là, kết cấu hạ tầng có hấp dẫn để thu hút đầu tư và giúp các nhà đầu tư phát huy thế mạnh hay không; nguồn nhân lực có đáp ứng được khả năng nắm bắt công nghệ hiện đại từ các công ty xuyên quốc gia không? Do đó, để FDI phát huy hiệu quả, nền kinh tế phải có khả năng hấp thụ vốn tương ứng với tiềm năng nền kinh tế. Những khó khăn trong cơ chế, chính sách đưa dự án sớm vào hoạt động hay khó khăn trong việc giải phóng mặt bằng có tác động mạnh đến khả năng triển khai đầu tư, có thể làm chậm tiến độ, gây lãng phí và giảm hiệu quả đầu tư.

Bốn là, khả năng cạnh tranh của nền kinh tế trong nước. Điều này ảnh hưởng đến chất lượng FDI dưới khía cạnh do áp lực cạnh tranh khiến DN FDI phải nâng trình độ quản lý, công nghệ cao để đứng vững trên thị trường. Các DN FDI cũng phải chú ý đến đào tạo lao động có trình độ tiên tiến để điều hành hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Năm là, sức mua của thị trường trong nước. Đây là lực hút khá mạnh đối với các nhà đầu tư. Hoạt động đầu tư ngoài việc hướng đến xuất khẩu còn phát triển ở thị trường trong nước. Khi sức mua của thị trường trong nước lớn, sẽ hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là những nhà đầu tư lớn.

Sáu là, mục tiêu của các nhà đầu tư. Đối với mỗi nhà đầu tư, họ đều có chiến lược của mình. Nhà đầu tư khi quyết định đầu tư để khai thác tài nguyên, phát triển

thị trường hay phát triển sản phẩm đều có tác động nhất định đến chất lượng đầu tư ở nước tiếp nhận. Nếu nhà đầu tư tập trung khai thác lao động rẻ, kém chất lượng của nước nhận đầu tư thì dự án đó, ngoài khả năng giải quyết được những việc làm giản đơn, khó có đóng góp về mặt tiến bộ công nghệ và giá trị gia tăng lớn.

Bấy là, năng lực thực sự của nhà đầu tư. Những nhà đầu tư có quy mô hoạt động lớn, có tiềm lực vốn lớn và công nghệ tiên tiến sẽ khác rất nhiều so với các nhà đầu tư nhỏ lẻ cả về chiến lược đầu tư và ngành nghề sản xuất - kinh doanh. Những nhà đầu tư lớn rất chú trọng đến uy tín và thương hiệu của họ. Chính vì vậy, khi tiến hành hoạt động đầu tư, nhà đầu tư khảo sát rất kỹ nơi nhận đầu tư. Thông thường những DN này có sự gắn kết với các đơn vị sản xuất - kinh doanh tại nơi khác của nhà đầu tư, tạo thành một chuỗi có sự liên kết chặt chẽ với nhau. Việc thu hút được nhiều nhà đầu tư giúp khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của các DN nước sở tại sẽ dễ dàng hơn và khả năng mở rộng thị trường quốc tế cũng lớn hơn. Đối với những nhà đầu tư này, họ sẽ xây dựng những kế hoạch đầu tư dài hạn. Hơn nữa, những nhà đầu tư có tiềm năng sẽ giúp cho quá trình triển khai dự án thuận lợi hơn, tránh việc kéo dài thời gian lãng phí trong quá trình thiết lập sản xuất - kinh doanh.

2. Tình hình thu hút nguồn vốn FDI ở Việt Nam thời gian qua

Ở Việt Nam, bên cạnh nguồn vốn trong nước đóng vai trò quyết định, vốn đầu tư nước ngoài là một trong những nguồn vốn quan trọng. Trong nguồn vốn nước ngoài, FDI được coi là nguồn vốn thích hợp đối với nước ta. FDI vào Việt Nam được đánh giá là khu vực không những có đóng góp

lớn về vốn, tăng trưởng GDP, xuất khẩu mà còn đang tạo ra hàng triệu việc làm cho người lao động. Theo Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tính chung cả năm 2015, tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm hơn 22,7 tỷ USD, tăng 12,5% so với năm 2014¹. Số dự án và vốn đăng ký FDI vào Việt Nam không ngừng tăng qua các năm, đặc biệt là từ năm 2007 đến nay. Hầu hết các địa phương đều có dự án FDI, nhiều tỉnh, thành phố có vốn FDI trên 1 tỷ USD. Vốn FDI đã thúc đẩy cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng GDP và lao động trong nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ. Đến cuối năm 2013, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đã tạo việc làm cho 3,2 triệu lao động (gấp 8,8 lần năm 2000). Do đặc thù của FDI tập trung nhiều ở lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ nên các hoạt động FDI đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Về cơ cấu vùng, đầu tư nước ngoài tập trung chủ yếu ở các vùng kinh tế trọng điểm đã góp phần làm cho các vùng này thực sự là vùng kinh tế động lực để lôi kéo sự phát triển chung và các vùng phụ cận².

Cạnh tranh thu hút vốn đầu tư cũng đang diễn ra quyết liệt giữa nước ta với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, nhất là các nước Đông Âu, Nam Âu, Đông Nam Á với hoàn cảnh tương tự.

Hiện nay, môi trường đầu tư của Việt Nam chưa thực sự hấp dẫn. Một nguyên nhân là khi hàng rào thuế quan bị bãi bỏ, các công ty đa quốc gia sẽ tập trung sản xuất tại những nước có phí tổn thấp nhất trong khu vực AFTA. Thách thức của Việt Nam là làm sao giữ chân các cơ sở hiện có của các công ty đa quốc gia và tạo cơ hội để các nhà đầu tư vào Việt Nam.

Việt Nam nằm trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương với những lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên và lao động, đặc biệt là môi trường kinh tế, chính trị ổn định nên thị trường có tiềm năng thu hút vốn FDI. Qua số liệu đầu tư nước ngoài trên thế giới cho thấy, 70 - 75% dòng vốn FDI di chuyển trong nội bộ các nước phát triển, chỉ có 25 - 30% di chuyển đến các nước đang phát triển và kém phát triển³. Điều này cho thấy các nước chủ đầu tư không chỉ dựa vào khai thác lợi thế của các nước nhận đầu tư là có nguồn tài nguyên dồi dào và lao động rẻ không phải là yếu tố quan trọng thu hút FDI.

3. Một số tồn tại trong thu hút FDI ở Việt Nam

- Quan điểm thu hút đầu tư chưa nhất quán. Có hai quan điểm trong thu hút vốn FDI vào Việt Nam: (1) tăng thu hút FDI về mặt số lượng, bất kể vào lĩnh vực nào, quy mô bao nhiêu, miễn là đầu tư; (2) tăng thu hút FDI về mặt chất lượng, ưu đãi đối với những lĩnh vực công nghệ kỹ thuật cao, những lĩnh vực sản xuất tư liệu sản xuất. Quan điểm (1) hiện nay là phổ biến, hầu như các tỉnh, thành phố đều tập trung mọi cố gắng thu hút FDI vào địa bàn của mình bất kể ngành nào, sản phẩm gì. Do đó, FDI quá tập trung vào các ngành chế biến lương thực - thực phẩm: rượu, bia, nước giải khát, các ngành sản xuất tiêu dùng; chưa có sự đầu tư thích đáng vào ngành sản xuất tư liệu sản xuất, chỉ đầu tư lắp ráp cơ khí điện tử.

- Chính sách nội địa hóa chưa thỏa đáng. Hiện nay cần phải tăng cường nội địa hóa thì chính sách của Việt Nam vẫn chưa chú trọng, chính vì vậy, đã làm cho sản phẩm của FDI ở Việt Nam đắt hơn ở Thái Lan và các nước khác. Ví dụ: chính sách nội địa hóa của nước ta đối với ngành công

ng nghiệp ô tô, xe máy ít tham vọng hơn các quốc gia khác trong ASEAN (như Thái Lan, Ma-lai-xi-a...). Đối với việc lắp ráp hoàn tất, Việt Nam đòi hỏi 5% vào năm thứ 5 và 30% vào năm thứ 10, trong khi đó, Thái Lan đòi hỏi 60% vào năm thứ 5. Chính sách này đã ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển các ngành liên quan và hỗ trợ, các ngành này phát triển rất ít và rất chậm trong thời gian qua và phải nhập phụ tùng linh kiện từ bên ngoài, do đó làm tăng giá thành sản phẩm, giảm khả năng cạnh tranh.

- Việt Nam không có chính sách chuyển giao công nghệ như các nước Trung Quốc, Hàn Quốc... Vì vậy, sau 10 năm, nước ta có nhiều hãng ô tô nổi tiếng thế giới đầu tư, nhưng các chuyên gia cho rằng, có lẽ Việt Nam vĩnh viễn sẽ không có ngành công nghiệp ô tô vì giá thành của ô tô sản xuất trong nước cao hơn khu vực khá lớn. Nguyên nhân chính là do tỷ lệ nội địa hóa quá thấp, đến nay, tỷ lệ nội địa hóa của các DN ô tô từ 2 - 10%.

- Chính sách giá chưa hợp lý, chi phí đầu tư còn quá cao, làm giảm khả năng cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam, làm nản lòng các nhà đầu tư. Theo JETRO Nhật Bản cho biết, cước phí viễn thông, chi phí lưu thông giao nhận, điện... ở Việt Nam quá cao. Cước điện thoại quốc tế của nước ta cao gấp khoảng 7 lần so với Xinh-ga-po, gần 6 lần so với Ma-lai-xi-a và gần 2 lần so với Trung Quốc. Chi phí lưu thông giao nhận nếu gửi hàng container thì cao gần gấp 3 lần so với Xinh-ga-po... Các chi phí và lệ phí liên quan đến giao nhận tại các cảng biển và sân bay quá cao. Có 12 loại phí và lệ phí bất hợp lý mà DN phải nộp, như phí lưu kho sân bay, phí an ninh, phí lao vụ, phụ phí xăng dầu, phí nâng hạ, thu phí đường bộ... Giá điện cao hơn 50%, giá nước cao hơn 71% so với ASEAN và Trung Quốc.

- Chi phí cho đất đai ngày càng tăng. Từ năm 1996 trở lại đây thị trường kinh doanh đất sôi động. Giá đất cao, bồi thường lớn, giá san lấp mặt bằng cao. Giá cả đất đai của thành phố ở Việt Nam cao hơn so với các nước trong khu vực, giá thuê đất ở TP. Hồ Chí Minh gấp 4 - 6 lần Trung Quốc, gấp 6 lần so với Thái Lan. Tình hình này ảnh hưởng lớn đến thu hút FDI.

- Cần tạo điều kiện cho môi trường đầu tư vào Việt Nam có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, nhất quán và minh bạch để nhằm thu hút đầu tư nước ngoài đồng thời giúp làm giảm giá đầu vào (như nhiên liệu, nguyên liệu, vật liệu) cho phù hợp với khu vực ASEAN.

4. Những đề xuất để thu hút FDI

Thứ nhất, để thu hút chất lượng đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, cần chú trọng phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động, đồng thời, thu hút FDI vào phát triển các ngành sản xuất tư liệu sản xuất, công nghiệp nặng để bảo đảm sản xuất hiệu quả, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trong hội nhập kinh tế quốc tế. Bài học quan trọng của các nước NIC⁴ trong những năm qua là phải xây dựng được một cơ cấu sản phẩm hợp lý, có thể tự sản xuất các tư liệu sản xuất cung cấp cho toàn bộ nền kinh tế.

Thứ hai, cần có chính sách ưu tiên phát triển ngành trong từng tỉnh và khu công nghiệp mà vừa qua chúng ta còn chưa có. Trước hết, coi trọng và nâng cao hiệu quả đầu tư nước ngoài dựa trên lợi thế của từng tỉnh và khu công nghiệp. Đối với một số vùng, cần nêu bật định hướng thu hút FDI vào một số ngành, các ngành sản xuất tư liệu sản xuất, các ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học và vốn cao, các ngành hỗ trợ và liên quan.

Thứ ba, đối với chính sách nội địa hóa của nước ta cần phải tích cực hơn và phải được giải quyết ngay từ đầu, thể hiện khi duyệt các dự án đầu tư nước ngoài và quy định thời gian nội địa hóa ngắn hơn. Vừa qua, Bộ Tài chính đưa ra chính sách tỷ lệ nội địa hóa càng cao, thuế suất càng giảm. Tỷ lệ nội địa hóa trên 65 - 80% thì thuế nhập khẩu phụ tùng chỉ còn 5 - 7% và trên 80% thì thuế nhập khẩu chỉ còn 3 - 5%; 40% thì thuế nhập khẩu linh kiện là 15%. Khuyến khích nội địa hóa trong khi chính sách nội địa hóa đối với FDI đưa ra tỷ lệ thấp, mặt khác, năng lực sản xuất phụ tùng, máy móc để lắp ráp xe máy của DN trong nước còn yếu, giá thành cao thì cũng vẫn chỉ tiếp tục làm nảy sinh gian lận⁵.

Thứ tư, để có giá thành các mặt hàng công nghệ, điện tử của các DN tương đương với khu vực ASEAN, cần phải có chính sách chuyển giao công nghệ đối với các dự án FDI, nếu không chúng ta sẽ chỉ là một thị trường tiêu thụ khổng lồ với dân số gần 90 triệu dân cho các nước.

Thứ năm, để giảm chi phí đầu vào, mà hiện nay chủ yếu là các DN nhà nước nắm, cần ngăn chặn việc biến độc quyền nhà nước thành độc quyền DN đối với DN nhà nước.

Thứ sáu, Chính phủ cần kiểm soát chặt thị trường bất động sản. Thị trường bất động sản luôn là thị trường không hoàn hảo, dễ dẫn đến những độc quyền trong cạnh tranh, tạo nên cơn sốt giá, nâng giá đất giả tạo, làm cho chi phí đầu tư của FDI nước ta cao hơn so với các nước trong khu vực□

Chú thích:

1, 3, 5. fia.mpi.gov.vn

2. www.ncseif.gov.vn

4. NIC (Newly Industrialized country) là các nước công nghiệp mới, chưa đạt được trình độ tiến bộ kinh tế - xã hội như các nước phát triển nhưng có sự phát triển vượt trội so với các nước đang phát triển.